

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai quyết toán thu, chi quản lý Dự án
năm 2024 của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các
công trình Nông Nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa**

**GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG
TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ GIAO THÔNG TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về
việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được
ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các
công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở hợp nhất Ban
Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa và Ban
Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông
thôn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-STC ngày 24/03/2025 của Sở Tài Chính về
việc phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2024;*

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi quản lý Dự án năm
2024 của Ban QLDA đầu tư Xây dựng các công trình Nông Nghiệp và Giao thông
tỉnh Khánh Hòa (Theo biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc, các phòng trực thuộc Ban và các đơn vị liên quan
thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, Na

(VBĐT)



GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Tài

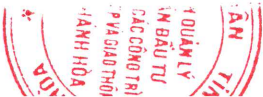
Đơn vị: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình
Nông Nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa.
Chương:

QUYẾT TOÁN THU, CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2024
(Kèm theo quyết định số: 493/QĐ- DANNGT ngày 10 /4 /2025)

1. Quyết toán phần thu:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Quyết toán được duyệt		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3= 4+5	4	5	6=7+8	7	8	6=7+8	7	8
I	Tổng cộng	18.378.021.179	18.378.021.179	0	1.370.986.545	898.602.545	472.384.000	15.033.327.679	14.560.943.679	472.384.000
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang	987.383.179	987.383.179		472.384.000	0	472.384.000	987.383.179	514.999.179	472.384.000
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	17.390.638.000	17.390.638.000	0	898.602.545	898.602.545	0	14.045.944.500	14.045.944.500	0
4	Nguồn thu hợp pháp khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nguồn NSNN hỗ trợ (nếu có)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	3.102.981.427	3.102.981.427		0	0	0	1.370.986.545	898.602.545	472.384.000
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)= (I)-(II)	15.275.039.752	15.275.039.752	0	0	0	0	13.662.341.134	13.662.341.134	0
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có)	0	0	0				0	0	0
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên	14.955.039.752	14.955.039.752	0	0	0	0	13.662.341.134	13.662.341.134	0
3	Nguồn kinh phí NSNN hỗ trợ chi không thường xuyên (nếu có)	0	0	0			0			
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có)	320.000.000	320.000.000	0						



2. Quyết toán các phần chi:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối			Chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			Đề nghị quyết toán		
		Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Tổng số	Dự án được giao quản lý	Nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị
1	2	3= 4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=4-7	11=5-8
I	Chi thường xuyên giao tự chủ	6.953.985.044	6.953.985.044	0				5.645.736.134	5.645.736.134	0
1	Tiền lương	3.521.388.204	3.521.388.204	0				3.132.398.604	3.132.398.604	0
2	Các khoản phụ cấp lương	84.312.000	84.312.000	0				84.312.000	84.312.000	0
3	Các khoản trích nộp theo lương	848.284.840	848.284.840	0				1.230.762.434	1.230.762.434	0
4	Khen thưởng	100.000.000	100.000.000	0				61.766.000	61.766.000	0
5	Phúc lợi	50.000.000	50.000.000	0				4.000.000	4.000.000	0
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	300.000.000	300.000.000	0				233.537.301	233.537.301	0
7	Mua vật tư văn phòng	400.000.000	400.000.000	0				288.624.426	288.624.426	0
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	100.000.000	100.000.000	0				53.686.008	53.686.008	0
9	Hội nghị	100.000.000	100.000.000	0				35.289.000	35.289.000	0
10	Công tác phí	250.000.000	250.000.000	0				212.640.000	212.640.000	0
11	Thuê mướn	150.000.000	150.000.000	0				70.473.333	70.473.333	0
12	Đoàn đi công tác nước ngoài	-	-	0				-	0	0
13	Đoàn vào	100.000.000	100.000.000	0				48.213.371	48.213.371	0
14	Sửa chữa thường xuyên tài sản	250.000.000	250.000.000	0				75.617.265	75.617.265	0
	Khác	600.000.000	600.000.000	0				114.416.392	114.416.392	0
15	Dự phòng	100.000.000	100.000.000	0						0
II	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ, nếu có (chi tiết theo nội dung	0	-	0	0	0	0	0	0	0
III	Chi không thường xuyên	320.000.000	320.000.000	0	0	0	0	107.531.000	107.531.000	0
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN hỗ trợ	-	-	0	0	0	0	-	0	0
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	-		0	0	0	0	-	0	0
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án			0	0	0	0	-		0
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	0	0	0	0	0	-	0	0
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	-	0	0	0	0	0	-	0	0
1.5	Khác	-	0	0	0	0	0	-	0	0

2	Chi không thường xuyên từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	0	0	0	0	0	-	0	0
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	-	0	0	0	0	0	-	0	0
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	200.000.000	200.000.000	0	0	0	0	90.926.000	90.926.000	0
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	100.000.000	100.000.000	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Thực hiện tình giãn biên chế	20.000.000	20.000.000	0	0	0	0	16.605.000	16.605.000	0
2.5	Khác									

3.Quyết toán trích lập các quỹ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Quỹ	Quyết toán
	Tổng số (=1+2+3)	8.000.000.000
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	2.000.000.000
2	Quỹ bổ sung thu nhập	5.350.000.000
	Trong đó: Chi thu nhập tăng thêm	5.350.000.000
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	650.000.000

4. Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm 2024 cho các dự án được giao quản lý, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên dự án được giao quản lý		Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ	Ghi chú
	Tổng cộng		100%	13.662.341.134	
1	Dự án TP 1 thuộc dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật		73%	10.000.000.000	
2	Khu Hà Thanh thuộc DA TP 1 xây dựng đường bộ cao tốc KH - BMT		4%	588.327.682	
3	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Xiển		3%	477.729.000	
4	XD mới 3 cầu: Thác Ngựa, sông Giang, sông Chò trên tuyến Tỉnh Lộ 8B		4%	500.000.000	
5	Thành phần xây lắp đường Quốc Lộ 27 đến đường tỉnh ĐT 656 tỉnh Khánh Hòa kết nối tỉnh Lâm Đồng với Tỉnh Ninh Thuận.		8%	1.025.340.952	
6	Dự án đường Nguyễn tất Thành đoạn từ sân bay Cam Ranh đến cầu Long Hồ - TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa		8%	1.070.943.500	

